

# MFS-CA200

Được thiết kế cho vải dệt kim và vải phẳng  
/ Designed for car seat and other heavy fabrics /



Spreading Machine  
**MFS-CA200**

## TÍNH NĂNG

- 01/ Chức năng tự động phát hiện khoảng cách trải vải.
- 02/ Điều khiển lực căng kỹ thuật số với động cơ servo.
- 03/ Chức năng chuyển đổi giữa hai chế độ tốc độ.
- 04/ Hệ thống kéo vải chuyên dụng cho vải nặng.
- 05/ Bộ nâng tự động dành cho cuộn vải trọng lượng lớn (Tùy chỉnh: LFA-250).
- 06/ Chế độ điều khiển thủ công hỗ trợ cắt lỗi, cuộn lại và các thao tác thủ công khác.
- 07/ Chức năng cài đặt khoảng cách cắt theo chiều rộng vải.
- 08/ Chức năng di chuyển và căn chỉnh bộ giữ vải tự động.
- 09/ Chức năng nhập, lưu và đếm số lần trải vải.
- 10/ Chức năng điều khiển độ cao tự động theo độ dày của vải.
- 11/ Căn chỉnh mép vải tự động và phát hiện tình trạng chạy lệch.
- 12/ Chức năng cảm biến EPC hai chiều (Tùy chọn).
- 13/ Chức năng tự động về vị trí ban đầu.

## FEATURES

- 01/ Automatic spreading distance detection function.
- 02/ Digital tension control with Servo motor.
- 03/ 2 speed patterns switching function.
- 04/ Exclusive fabric pulling system for heavy fabrics.
- 05/ Automatic lifter for heavy weight fabric rolls. (Option: LFA-250)
- 06/ Manual control functions for faulty cut-out, rewinding and other manual driving.
- 07/ Cutting distance set up function base on fabric width.
- 08/ Automatic movable catcher driving and alignment function.
- 09/ Digital spreading count input, saving and counting function.
- 10/ Automatic elevator control function base on fabric thickness.
- 11/ Automatic fabric edge alignment and run-out detecting function.
- 12/ 2 ways EPC sensor function. (Option)
- 13/ Home position function.



◀ Bộ điều khiển thủ công  
Manual control



▶ Bộ điều khiển độ căng vải bằng động cơ servo  
Servo motor & Digital tension control



▶ Bộ điều khiển kỹ thuật số  
Digital control panel



▶ Bộ kéo vải độc quyền cho vải nặng  
Exclusive fabric pulling system for heavy fabrics.

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT SPECIFICATIONS

| Kích thước(mm) / Dimension(mm)                   | 2,380 X 1,570 X 1025                                                            |       |       |       |
|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|
| Kích thước bàn(mm) / Table(mm)                   | 1,850                                                                           | 1,900 | 1,950 | 2,000 |
| Khổ vải tối đa (inch) / Max. spreading width     | 65'                                                                             | 67'   | 69'   | 71'   |
| Chiều cao lớp vải tối đa / Max. spreading height | 240mm (Một Chiều / One way) / 210mm (Sắp ngửa / Zigzag)                         |       |       |       |
| Loại vải / Max. Roll diameter                    | D = 1,000mm (Tùy chỉnh / Custom)                                                |       |       |       |
| Điều khiển / Control                             | Hệ thống điều khiển kỹ thuật số, hỗ trợ tích hợp MES<br>Micro processor control |       |       |       |
| Nguồn điện / Power                               | 220~230V, Một pha / Single phase 50/60Hz                                        |       |       |       |

\* Kích thước máy dựa trên bàn rộng 1.835mm  
Machine dimension base on 1,835mm table size